

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10/01/2020

V/v: "Tranh chấp hôn
nhân và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn San.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thành và ông Trần Tăng .

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2019/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24/12/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1974; Nơi đăng ký HKTT: Thôn 3, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Nơi cư trú và làm việc: Cửa số 3, tầng 2.R, đường Xuân Mới Cách Trắng, thành phố Ma Cao - Trung Quốc. Người đại diện theo ủy quyền nhận các thủ tục tố tụng: Anh Lại Quang L, sinh năm 1995; địa chỉ: Xóm 4, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

- Bị đơn: Anh Lại Quang K, sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm 4, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa: Có mặt anh K, cháu L, vắng mặt chị L có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Chị Nguyễn Thị L và Anh Lại Quang K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam ngày 22/02/1991. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân từ năm 2008

đến nay.

Theo chị L nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K chơi bời cờ bạc không quan tâm đến gia đình vợ con; theo anh K xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L đi lao động tại Ma Cao - Trung Quốc, không quan tâm tới gia đình để một mình anh K ở nhà nuôi dạy con chung và chăm lo toàn bộ gia đình. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, anh K hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Anh K, chị L xác định anh chị có 02 con chung là cháu Lại Quang K, sinh năm 1992 và cháu Lại Quang L, sinh năm 1995. Hiện hai cháu đã trưởng thành, lao động tự lập được. Khi ly hôn anh, chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh K, chị L không có con nuôi, con riêng và hiện tại chị L cũng không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và vấn đề khác: Anh chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí theo quy định, nộp thay cả cho anh K.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh K giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại bản tự khai và không bổ sung thêm.

Cháu Lại Quang L xác định việc mẹ cháu là Nguyễn Thị L có ủy quyền cho cháu giao, nhận các văn bản, giấy tờ liên quan đến vụ án và cháu đã thực hiện đầy đủ theo giấy ủy quyền của mẹ cháu cho cháu.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa xác định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55 và Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị L và Anh Lại Quang K. Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và vấn đề khác anh chị không đề nghị nên không đặt ra xem xét. Về án phí ly hôn sơ thẩm chấp nhận sự tự nguyện của chị L nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho Chị Nguyễn Thị L theo quy định, chị L đã nhận đủ các thủ tục tố tụng và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị L về tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và Anh Lại Quang K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 22/02/1991 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ, chồng đã ly thân từ năm 2008 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay anh chị x,c ®Đnh t×nh c¶m vi chẳng kh«ng cñn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nªn anh chị ®· nhÊt trÝ thuËn t×nh ly h«n. Vì vậy, Tòa án cần chấp nhận và công nhận thuận tình ly hôn cho chị L, anh K là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình .

[4] Về con chung: Anh K, chị L thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lại Quang K, sinh năm 1992 và cháu Lại Quang L, sinh năm 1995. Hiện nay hai cháu đã trưởng thành, lao động tự lập được. Khi ly hôn anh, chị thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh K, chị L không có con nuôi, con riêng và hiện tại chị L cũng không có thai nghén gì.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và vấn đề khác: Anh chị đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị L, anh K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị L tự nguyện sẽ nộp toàn bộ án phí cả cho anh K, anh K có quan điểm đồng ý với với sự tự nguyện này của chị L. Chị L nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 121, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị L và Anh Lại Quang K.

2. Về con chung: Anh K, chị L xác định có 02 con là Lại Quang K, sinh năm 1992 và Lại Quang L, sinh năm 1995. Hiện hai cháu đã trưởng thành, lao động tự lập được, nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng không xem xét.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và vấn đề khác: Anh chị đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L và Anh Lại Quang K mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chấp nhận sự tự nguyện của chị L nộp thay cả phần án phí ly hôn sơ thẩm cho anh K. Chị L phải nộp 300.000đ, đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp theo biên lai số AA/2015/0004094 ngày 29/11/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam. Chị L đã thi hành xong phần án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho anh K có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND xã Thi Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn San

